

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TÂN CHÂU
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 31 /2023/HNGĐ-ST

Ngày: 21 tháng 4 năm 2023

“V/v tranh chấp ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN CHÂU, TỈNH AN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hữu Dầm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Quốc Dũng;

2. Bà Thái Trân.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Đặng Huỳnh Anh - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thùy Linh – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 462/2022/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 11 năm 2022 về “*Tranh chấp hôn nhân gia đình, ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 3 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 20/2023/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Anh Nguyễn Hoàng Đ, sinh năm 1994; Nơi cư trú: Khóm A, phường B, thành phố C, tỉnh Vĩnh Long.

- **Bị đơn:** Chị Nguyễn Hồng D, sinh năm 1994; Nơi cư trú: Ấp V, xã L, thị xã T, tỉnh An Giang.

Anh Đ có mặt tại phiên tòa; Chị D mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Nguyễn Hoàng Đ trình bày: Anh Đ và chị D do quen biết và đi đến hôn nhân, không có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, thị xã T, tỉnh An Giang vào ngày 05/02/2016. Thời gian đầu khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do sống không hợp nhau, bất đồng quan điểm về ý kiến, thường xuyên cự cãi xung đột nhau nên đã không chung sống với nhau từ năm 2020 đến

nay, hai bên gia đình có hàn gắn nhưng không thành. Thời gian trước đây, anh Đ có nộp đơn khởi kiện ly hôn với chị D nhưng đã rút đơn để vợ chồng có thời gian hàn gắn tình cảm nhưng chị D không thay đổi, vợ chồng vẫn phát sinh mâu thuẫn. Nay nhận thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh Đ yêu cầu ly hôn với chị Nguyễn Hồng D.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án số 874/TB-TLVA ngày 15/11/2022 cho chị Nguyễn Hồng D thông qua người thân là ông Nguyễn Văn C (ông ngoại chị D) nhận thay và ông C xác nhận có thông tin cho chị D biết về việc anh Nguyễn Hoàng Đ khởi kiện ly hôn với chị D tại Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang nhưng đến nay Tòa án không nhận được văn bản ý kiến của chị D đối với yêu cầu của anh Đ và các tài liệu chứng cứ kèm theo (nếu có) của chị D gửi cho Tòa án.

Tòa án đã ra thông báo mở phiên họp giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng chị D vắng mặt theo các lần triệu tập của Tòa án nên Tòa án không tiến hành mở phiên họp giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải về tình cảm được. Ngày 18/01/2023, Tòa án ban hành Thông báo số 04/TB-TA về việc công khai tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập cho chị Nguyễn Hồng D được biết thông qua việc tổng đạt cho người thân nhận thay (ông Nguyễn Văn C là ông ngoại chị D) nhưng chị D không gửi văn bản ghi ý kiến của chị D cho Tòa án.

Tại phiên tòa, chị D vắng mặt, anh Đ cương quyết yêu cầu ly hôn với chị D.

Hội đồng xét xử công bố Thông báo số định danh cá nhân và thông tin công dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư của chị Nguyễn Hồng D; Biên bản xác minh tình trạng cư trú của chị Nguyễn Hồng D; Biên bản không lấy được lời khai của chị Nguyễn Hồng D; Biên bản xác minh (ghi lời khai) của ông Nguyễn Văn C (ông ngoại của chị Nguyễn Hồng D). Cụ thể:

- Ngày 12/01/2023, Tòa án tiến hành xác minh tình trạng cư trú của chị Nguyễn Hồng D tại Công an xã Lê Chánh, được biết: Đương sự Nguyễn Hồng D, sinh năm 1994 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại: Ấp V, xã L, thị xã T, tỉnh An Giang. Hiện nay chị D vẫn chưa cắt chuyển hộ khẩu đi nơi khác.

- Qua thông báo số định danh cá nhân và thông tin công dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư của chị Nguyễn Hồng D được biết: Chị Nguyễn Hồng D, sinh năm 1994 có nơi thường trú tại: Ấp V, xã L, thị xã T, tỉnh An Giang; Nơi ở hiện tại: Ấp V, xã L, thị xã T, tỉnh An Giang.

- Ngày 12/01/2023 Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu tiến hành lập biên bản không lấy được lời khai của chị Nguyễn Hồng D có sự chứng kiến của ông Nguyễn Văn C (ông ngoại chị D) và Ban ấp V, xã L, thị xã T, tỉnh An Giang.

- Ngày 12/01/2023 Toà án nhân dân thị xã Tân Châu tiến hành xác minh ông Nguyễn Văn C (ông ngoại chị D) được biết: Ông C là người nhận thay chị D các văn bản tố tụng do Toà án phát hành và có thông tin lại cho chị D biết nội dung, chị D biết việc anh Đ yêu cầu ly hôn với chị D. Ông cho biết: Chị Nguyễn Hồng Đào và anh Nguyễn Hoàng Đ đã không còn chung sống với nhau mấy năm nay do vợ chồng đi làm ăn xa, thời gian chung sống có mâu thuẫn về tiền bạc, nay anh Đ yêu cầu ly hôn với chị D, chị D có ý kiến đồng ý ly hôn với anh Nguyễn Hoàng Đức nhưng do đi làm ăn xa tại Bình Dương, hiện chị Đào không có điều kiện về quê để giải quyết vụ việc trên.

- Phát biểu của Kiểm sát viên:

+ Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án thực hiện đúng quy định tại các Điều 195, Điều 196 và Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 về xét xử sơ thẩm vụ án.

+ Việc tuân theo pháp luật của đương sự: Bị đơn vắng mặt, nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, Điều 71, 72 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

+ Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ hồ sơ vụ án, tài liệu chứng cứ, kết quả tranh luận tại phiên tòa: Anh Đ và chị D do quen biết và đi đến hôn nhân, không có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, thị xã T, tỉnh An Giang vào ngày 05/02/2016. Thời gian đầu khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do sống không hợp nhau, bất đồng quan điểm về ý kiến, thường xuyên cự cãi xung đột nhau nên đã không chung sống với nhau từ năm 2020 đến nay, hai bên gia đình có hàn gắn nhưng không thành. Trước đây, anh Đ có nộp đơn khởi kiện ly hôn với chị D nhưng đã rút đơn để vợ chồng có thời gian hàn gắn tình cảm nhưng D không thay đổi, vợ chồng vẫn phát sinh mâu thuẫn. Nay nhận thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh Đ yêu cầu ly hôn với chị Nguyễn Hồng D là có căn cứ.

Về nuôi con chung: Không có.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập đến, nếu sau này giữa anh Đ và chị D có phát sinh tranh chấp về tài sản chung, nợ chung thì được giải quyết bằng vụ án khác.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 2 Điều 227, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Hoàng Đ được ly hôn chị Nguyễn Hồng D.

Về án phí: Anh Nguyễn Hoàng Đ phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

**Về tố tụng:*

[1] Về thẩm quyền: Anh Nguyễn Hoàng Đ khởi kiện yêu cầu ly hôn với chị Nguyễn Hồng D. Chị D có nơi cư trú: Ấp V, xã L, thị xã T, tỉnh An Giang. Xét, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn chị Nguyễn Hồng D được tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng của Tòa án nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

** Về nội dung:*

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Anh Đ và chị D tự tìm hiểu, có tiến hành tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, thị xã T, tỉnh An Giang, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 02 ngày 05/02/2016. Hôn nhân giữa anh Đ và chị D là hợp pháp, phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng.

Anh Đ khai, sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân mâu thuẫn do sống không hợp nhau, bất đồng quan điểm về ý kiến, thường xuyên cự cãi xung đột nhau nên đã không chung sống với nhau từ năm 2020 đến nay, hai bên gia đình có hàn gắn nhưng không thành. Trước đây, anh Đ có nộp đơn khởi kiện ly hôn với chị D nhưng đã rút đơn để vợ chồng có thời gian hàn gắn tình cảm nhưng chị D không thay đổi, vợ chồng vẫn phát sinh mâu thuẫn, nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh Đ yêu cầu ly hôn với chị Nguyễn Hồng D.

Vợ chồng có nghĩa vụ chung thủy, thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, hạnh phúc. Tòa án đã tổ chức hòa giải nhiều lần để tạo điều kiện cho anh Đ và chị D hàn gắn tình cảm gia đình nhưng chị D vắng mặt và không có ý kiến bằng văn bản gửi cho Tòa án. Từ đó, cho thấy chị D chưa thật sự hàn gắn tình cảm với anh Đ.

Tình trạng vợ chồng anh Đ và chị D đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nếu tiếp tục duy

trì hôn nhân thì khó xây dựng được gia đình hòa thuận, hạnh phúc và bền vững. Xét, cho anh Đ ly hôn với chị D là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Về con chung: Không có .

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Anh Đ khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét, nếu sau này giữa anh Đ và chị D có phát sinh tranh chấp về tài sản chung, nợ chung thì được giải quyết bằng vụ án khác.

[4] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Anh Nguyễn Hoàng Đ phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng, anh Đ đã nộp đủ tiền án phí.

Chị Nguyễn Hồng D không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

[5] Qua phát biểu ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật về quan điểm giải quyết vụ án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; Điều 2, Điều 6, Điều 7, Điều 9 và Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Hoàng Đ.

Anh Nguyễn Hoàng Đ được ly hôn với chị Nguyễn Hồng D.

Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 02 ngày 05 tháng 02 năm 2016 do Ủy ban nhân dân xã L, thị xã T, tỉnh An Giang cấp cho anh Nguyễn Hoàng Đ và chị Nguyễn Hồng D không còn giá trị pháp lý.

Về án phí hôn nhân sơ thẩm:

Anh Nguyễn Hoàng Đ phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số 0007222 ngày 10 tháng 11 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

Chị Nguyễn Hồng D không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Thời hạn kháng cáo của anh Đức là 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Riêng thời hạn kháng cáo của chị D là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TX. Tân Châu;
- Chi cục THADS TX. Tân Châu;
- Toà án nhân dân tỉnh An Giang;
- UBND xã L, thị xã T, tỉnh An Giang;
- Lưu văn phòng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Hữu Dãm